

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH LÀO CAI

Bản án số:04/2018/KDTM-PT

Ngày 09 - 11 - 2018

V/v “*Tranh chấp liên quan đến yêu*

cầu VBCC vô hiệu và Hợp đồng

hợp tác kinh doanh”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương.

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Hữu Khoa;
2. Ông Trương Quyết Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Bàn Quang Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLPT-KDTM ngày 20/7/2018 về việc “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu VBCC vô hiệu và Hợp đồng hợp tác kinh doanh*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố I bị kháng cáo. Theo

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐPT-KDTM ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần P (*Công ty P*).

Địa chỉ: Số 062A, D, phường U, thành phố I, tỉnh Lào Cai.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T, chức vụ: Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C, Luật sư Công ty Luật TNHH-MTV Q. Đoàn Luật sư tỉnh O (*Văn bản ủy quyền ngày 13/9/2017*), có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V(*Công ty V*).

Địa chỉ: Số 9, khu D, thị trấn S, huyện S, thành phố N.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bá H, chức vụ: Giám đốc.
- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm V.A (*Văn bản ủy quyền ngày 30/8/2017*), có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn G, Luật sư Công ty Luật TNHH G và cộng sự. Đoàn Luật sư Thành phố N, có mặt.

2. 2. Công ty TNHH MTV Lâm Nông nghiệp B (*Công ty B*).

Địa chỉ: SN 385, đường E, phường U, thành phố I, tỉnh Lào Cai.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Minh TH, chức vụ: Giám đốc, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đặng Minh CH, Luật sư Công ty Luật TNHH G và cộng sự. Đoàn Luật sư Thành phố N, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng công chứng L;

Địa chỉ: Số nhà 084, đường F, phường K, thành phố I, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng TH2- Trưởng Văn phòng. Vắng mặt (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2017 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Dự án nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép do Công ty V làm chủ đầu tư được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận đầu tư ngày 05/02/2008, địa điểm thực hiện dự án tại lô 45, cụm công nghiệp Bắc K, thành phố I, diện tích đất sử dụng 11.480 m², thời hạn thực hiện dự án 49 năm. Khởi công xây dựng công trình: Quý I/2008, thời gian hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình: Quý IV/2008.

Dự án được UBND tỉnh cho thuê đất với thời hạn 49 năm theo hợp đồng thuê đất số 253 ngày 25/3/2008 với phương thức trả tiền thuê đất hàng năm.

Công ty V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) với diện tích 11.480 m² theo Giấy CNQSD đất ngày 25/3/2008).

Do có khó khăn về tài chính nên ngày 01/02/2014, Công ty V và Công ty P đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC) số 02/2014 để hoàn thiện các hạng mục của dự án. Theo đó, Công ty V sẽ bàn giao ngay dự án cho Công ty P để tiếp tục triển khai dự án ở giai đoạn 1. Công ty P đã tiếp quản dự án và triển khai theo kế hoạch.

Ngày 03/5/2017, Công ty V có văn bản thông báo số 0717 về việc chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty P. Đến ngày 05/5/2017 Công ty P nhận được thông báo trên.

Trong khi Công ty P chưa có sự đồng ý về việc chuyển nhượng thì ngày 19/5/2017, Công ty V đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép cho Công ty B. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Văn phòng công chứng Y, tỉnh Lào Cai. Ngày 20/5/2017 hợp đồng trên được sửa đổi thành Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Việc làm trên đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty P. Do vậy, Công ty P đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố I tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép giữa Công ty V và Công ty B ngày 19/5/2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 20/5/2017 bị vô hiệu do vi phạm nội dung của hợp đồng hợp tác kinh doanh mà hai bên đã ký kết. Căn cứ vào các nội dung sau:

- Vi phạm mục 3.1 Điều 3 của hợp đồng mà hai bên đã ký kết trong đó có nội dung: *“Không được đơn phương chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc có bất kỳ hành động nào ảnh hưởng đến việc triển khai hợp tác đầu tư, kinh doanh trừ trường hợp bất khả kháng...Không được chuyển giao, chuyển nhượng dự án hoặc bất kỳ một phần, hạng mục, công đoạn của dự án cho bất kỳ tổ chức, cá nhân khác khi chưa được sự đồng ý của bên B (là Công ty P).*

- Hợp đồng vi phạm quy định của Bộ luật dân sự, có sự lừa dối. Hợp đồng ký tại Ngân hàng ở Hà Nội. Phía cuối hợp đồng thể hiện nơi ký hợp đồng tại trụ sở VPCC số 2 ở thành phố I nhưng phía trên lại ghi tại Ngân hàng TMCP Chi nhánh Đ.A (không xác định được địa điểm ký hợp đồng).

- Vi phạm khoản 2 Điều 124, khoản 1 Điều 407, Điều 408 Bộ luật dân sự năm 2015 vì đối tượng của hợp đồng là dự án không thể thực hiện được. Vi phạm các quy định của UBND tỉnh Lào Cai về thực hiện dự án.

2. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người đại diện theo ủy quyền của Công ty V trình bày:

Vào tháng 02/2014, Công ty V và Công ty P có ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2014 bằng văn bản.

Do dự án bị chậm tiến độ quá lâu nên ngày 03/8/2015 UBND tỉnh Lào Cai đã có Quyết định số 2439/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư Nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép của Công ty V.

Sau khi dự án bị chấm dứt, Công ty V đã có thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty P và làm thủ tục chuyển nhượng dự án, hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất với Công ty B vào ngày 19 và ngày 20/5/2017.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 19/5/2017, phía nguyên đơn cho rằng hợp đồng được Công chứng viên ký tại Ngân hàng TMCP chi nhánh Đ.A là không đúng với Luật Công chứng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Công chứng năm 2014 thì *“Việc thực hiện công chứng có thể thực hiện ngoài trụ sở VPCC nếu có lý do chính đáng”*. Hơn nữa ngày 20/5/2017, hai bên đã có thỏa thuận sửa đổi hợp đồng.

Đối với Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất mà Công ty V chuyển nhượng cho Công ty B ngày 20/5/2017:

Do dự án bị chấm dứt theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai nên hợp đồng BCC buộc phải chấm dứt hợp tác theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS). Do vậy, sau khi dự án bị chấm dứt thì Công ty V có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo khoản 1 Điều 428 BLDS năm 2015, khi Công ty P nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty V ngày 05/5/2017 thì Công ty V có quyền chuyển nhượng tài sản. Tổng số tiền mà Công ty V nhận từ Công ty B trong việc chuyển nhượng tài sản là 09 tỷ đồng.

Vì vậy, Công ty V không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Công ty P về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 19/5/2017 và hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất ngày 20/5/2017 giữa Công ty V và Công ty B bị vô hiệu.

Ngày 12/7/2017 Công ty V đã có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết với các nội dung sau:

Hủy bỏ hợp đồng hợp tác đầu tư số 02 ngày 01/02/2014 giữa Công ty V và Công ty P.

- Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án ngày 19/5/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 20/5/2017 là đúng pháp luật.

- Buộc Công ty P phải bàn giao lại mặt bằng để Công ty V trả lại đất cho UBND tỉnh Lào Cai.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm Công ty V không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giải quyết hậu quả khi hợp đồng hợp tác kinh doanh bị chấm dứt mà sẽ trực tiếp làm việc với Công ty P để tự thanh lý tài sản.

3. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty B trình bày:

Ngày 21/02/2011, Công ty V đã thế chấp toàn bộ tài sản được hình thành từ dự án đầu tư và quyền sử dụng đất đã thuê đối với Ngân hàng TMCP Công

thương Chi nhánh Đ.A để vay tiền, đến ngày 18/5/2017 đã giải chấp tài sản. Công ty B đã đưa cho Công ty V 2,5 tỷ đồng để trả cho Ngân hàng Chi nhánh Đ.A.

Ngày 19/5/2017, Công ty V đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép cho Công ty B. Hợp đồng trên được công chứng tại Văn phòng công chứng Y, tỉnh Lào Cai.

Ngày 20/5/2017, hai bên đã ký biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thành “*Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất*” với giá 6,5 tỷ đồng. Hợp đồng có công chứng của Văn phòng công chứng Y (nay là Văn phòng công chứng L). Đối tượng của hợp đồng là tài sản gắn liền với đất. Hợp đồng này là hợp pháp.

Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng trên diện tích 11.480 m² có địa chỉ tại đường A1, cụm công nghiệp Bắc K, thành phố I, tỉnh Lào Cai. Toàn bộ tài sản trên đất gồm:

- Văn phòng điều hành và nhà trưng bày sản phẩm, diện tích xây dựng khoảng 1.600 m², xây 2 tầng, kết cấu khung bê tông cốt thép, tường xây gạch bao che, mái bằng có thiết kế lớp chống nóng.
- Nhà xưởng: Diện tích xây dựng khoảng 2.800 m².
- Các hạng mục khác như: Hệ thống thông tin liên lạc, điện, nước, thoát nước, sân, vườn hoa cây xanh...

Ngày 10/5/2017, tại lô 45 khu công nghiệp Bắc K, thành phố I Công ty V đã bàn giao GCNQSDĐ cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho Công ty B.

Tại phiên tòa, Công ty B đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

1. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án ngày 19/5/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 20/5/2017 là đúng pháp luật.
2. Buộc Công ty P phải trả lại toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho Công ty B như trong hợp đồng mà Công ty V đã chuyển nhượng cho Công ty B.
3. Buộc Công ty P phải bàn giao lại mặt bằng để Công ty B thuê lại đất.

Lý do: Công ty B nhận chuyển nhượng tài sản trên đất là phù hợp với quy định về thanh lý tài sản theo Luật Đầu tư và quyết định 2439 ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai.

Dự án đầu tư đã bị UBND tỉnh Lào Cai thu hồi năm 2015 nên hợp đồng hợp tác kinh doanh nếu có mặc nhiên bị hủy. Do vậy, Công ty P không thể căn cứ vào hợp đồng này tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty V và Công ty B.

4. Nếu hợp đồng chuyển nhượng bị tuyên vô hiệu thì không yêu cầu Công ty V phải trả lại cho Công ty B 09 tỷ đồng và không yêu cầu Văn phòng Công chứng L phải bồi thường.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng L - Ông Nguyễn Trọng TH2 trình bày:

Ngày 20/5/2017 Văn phòng công chứng L (VPCC) tiếp nhận yêu cầu công chứng Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án (nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép tại Khu công nghiệp bắc K, thành phố I). Sau khi tiếp nhận và xác minh hồ sơ, văn phòng hướng dẫn các bên cung cấp các loại giấy tờ tài liệu đáp ứng các quy định để thực hiện việc yêu cầu công chứng. Khi nhận được đầy đủ các giấy tờ tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng dự án. Qua xác minh thì Dự án trên thuộc chủ đầu tư là Công ty V không có ngăn chặn thi hành án, quyết định thu hồi và các bên chuyển nhượng cũng khẳng định sự minh bạch và cam đoan tự chịu trách nhiệm về việc giao kết thực hiện hợp đồng không liên quan đến Văn phòng công chứng và Công chứng viên khi thực hiện yêu cầu công chứng hợp pháp của các chủ thể cũng đã kiểm tra cụ thể. Trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng bên chủ đầu tư là Công ty V đã thế chấp dự án để vay ngân hàng. Công ty B đã trả tiền cho ngân hàng và các bên làm thủ tục giao nhận hồ sơ gốc tại ngân hàng rồi sau đó mới ký kết và công chứng hợp đồng.

Căn cứ vào nội dung vụ việc trên VPCC khẳng định đã làm đúng trình tự, thủ tục công chứng. Việc công chứng giao dịch hợp đồng trên là hoàn toàn căn cứ vào thực tế và phù hợp với trình tự quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện việc công chứng cũng không nhận được bất cứ sự phản hồi từ bất cứ tổ chức, cá nhân nào cũng như Công ty P. Vì vậy, VPCC đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật, xem xét giải quyết việc chanh chấp hợp đồng giữa Công ty P với Công ty V bằng một vụ việc riêng.

Bản án sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố I, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 72, Điều 200, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 506 Bộ luật Dân sự năm 2015, các điều 29, 45, 48 Luật Đầu tư năm 2014, điểm i khoản 1 Điều 64, Điều 175, 189 Luật đất đai năm 2013, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần P về việc tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 19/5/2017 và Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất ngày 20/5/2017 giữa Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Nông nghiệp B bị vô hiệu toàn bộ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V về việc Hủy bỏ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2014 ngày 01/02/2014 giữa Công ty Cổ phần P và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V. Công ty cổ phần P và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V tự thanh lý tài sản trên đất. Trong trường hợp không tự thanh lý được tài sản thì có thể khởi kiện ra Tòa án bằng một vụ kiện khác hoặc giải quyết theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Nông nghiệp B về việc yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 19/5/2017 và Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất ngày 20/5/2017 là hợp pháp.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Nông nghiệp B về việc yêu cầu Công ty P phải bàn giao toàn bộ tài sản trên đất và bàn giao đất tại lô 45, cụm công nghiệp Bắc K, thành phố I, tỉnh Lào Cai cho Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Nông nghiệp B.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự trong vụ án.

Ngày 21/6/2018, bị đơn là Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V và Công ty TNHH MTV Lâm Nông nghiệp B kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P; Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V và Công ty TNHH MTV Lâm Nông nghiệp B.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử và thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tổ tụng dân sự, những người tham gia tổ tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Tuyên hủy 02 Hợp đồng chuyển nhượng kèm theo 02 Văn bản Công chứng số 1521, 1531 ngày 19 và ngày 20/5/2017 của Văn phòng Công chứng L. Các quyết định khác giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vụ án “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu văn bản công chứng vô hiệu và Hợp đồng hợp tác kinh doanh*” giữa nguyên đơn: Công ty P; các bị đơn: Công ty V và Công ty B. Được Tòa án nhân dân thành phố I thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và giải quyết tại bản án số 04/2018/KDTM-ST ngày 08/6/2018. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/6/2018, các bị đơn Công ty V và Công ty B đã kháng cáo với nội dung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Xét thấy, các bị đơn có đơn kháng cáo đúng thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; vụ án được tiếp tục giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Văn phòng Công chứng L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Văn phòng Công chứng L.

Ngoài ra, quá trình kháng cáo Công ty V đề nghị đưa Công ty Tú Thanh Hà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Qua xem xét thấy Công ty Tú Thanh Hà không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Công ty V được UBND tỉnh Lào Cai cho thuê lô đất 45, thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 tại Đường A1, Cụm công nghiệp Bắc K, thành phố I, tỉnh Lào Cai để xây dựng dự án Nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép (theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000077 ngày 04/02/2008 của UBND tỉnh Lào Cai và Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 25/3/2008 của UBND tỉnh Lào Cai). Ngày 25/3/2008 UBND tỉnh Lào Cai cấp GCNQSDĐ cho Công ty V đối với lô đất trên; diện tích sử dụng 11.480 m²; thời hạn thực hiện dự án 49 năm, thời gian hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình: Quý IV/2008. Trong quá trình đầu tư xây dựng Dự án Công ty V có nhu cầu tìm kiếm một đối tác cùng hợp tác

kinh doanh. Ngày 01/02/2014, Công ty V cùng với Công ty P tiến hành ký kết Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 02/2014 về việc “*Hợp tác đầu tư kinh doanh dự án Nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép tại Cụm công nghiệp Bắc K, thành phố I, tỉnh Lào Cai*”. Tại thời điểm ký kết Công ty V đã xây dựng các hạng mục: Nhà điều hành và trưng bày sản phẩm 02 tầng kết cấu khung bê tông cốt thép đã hoàn thiện diện tích xây dựng khoảng 1.600m², tường xây bao quanh mái xà gồ; nhà xưởng kết cấu khung thép mái lợp tôn diện tích xây dựng khoảng 2.500m²; móng nhà xưởng số 2 theo thiết kế; sân đường giao thông nội bộ...

Ngày 03 tháng 8 năm 2015, UBND tỉnh Lào Cai ban hành quyết định số 2439/QĐ-UBND về việc chấm hoạt động của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép của Công ty V tại cụm công nghiệp Bắc K, thành phố I, tỉnh Lào Cai đã được UBND tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 12 121 000 077 ngày 05/02/2008. Lý do: Dự án chậm tiến độ 12 tháng theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, chấm dứt hoạt động đầu tư theo quy định tại điểm g Điều 48 Luật đầu tư 2014 và theo quy định tại Điều 6 Giấy chứng nhận đầu tư dự án.

Ngày 03/5/2017, Công ty V đã gửi Thông báo số 07.17/VTHN-TB cho Công ty P về việc hủy bỏ Hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên. Ngày 19/5/2017 Công ty V ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ Dự án nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép cho Công ty B. Hợp đồng này được công chứng tại Văn phòng công chứng Y, tỉnh Lào Cai (*nay là Văn phòng công chứng L*). Ngày 20/5/2017 hai bên ký biên bản sửa đổi, bổ sung thành “*Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất*” với giá 6,5 tỷ đồng, đối tượng của hợp đồng là tài sản gắn liền với đất.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn Công ty V và Công ty B:

Ngày 10/10/2018, Công ty V và Công ty B đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai có công văn đề nghị các cơ quan chuyên môn là Trung tâm giám định chất lượng và Sở Xây dựng- Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai để tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng các cơ quan nêu trên đều có văn bản trả lời về việc không thuộc thẩm quyền nên không cử cán bộ tham gia Hội đồng xem xét thẩm định theo yêu cầu của Tòa án. Ngoài ra, Công ty P cũng có ý kiến không nhất trí việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu của Công ty V và Công ty B.

a, Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P yêu cầu tuyên bố

hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép giữa Công ty V và Công ty B ngày 19/5/2017 và ngày 20/5/2017 bị vô hiệu:

Ngày 19/5/2017, Công ty V và Công ty B ký kết Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án tại Văn phòng công chứng Y tỉnh Lào Cai. Mặc dù tên của Hợp đồng là chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư, nhưng bản chất là chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng toàn bộ tài sản hợp pháp trên đất bao gồm: Văn phòng điều hành và nhà trưng bày sản phẩm; Nhà xưởng và Các hạng mục khác (như hệ thống thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, thoát nước, sân đường nội bộ, vườn hoa cây xanh...). Do nhận thấy tên của Hợp đồng chưa phù hợp với nội dung trong hợp đồng và quy định của pháp luật nên ngày 20/5/2017, các bên đã ký lại Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án thành Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Văn phòng công chứng Y tỉnh Lào Cai. Việc chuyển nhượng này bản chất là thanh lý tài sản và được thực hiện sau khi dự án bị UBND tỉnh Lào Cai ra quyết định chấm dứt hoạt động.

Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép của Công ty Vận tải V bị chấm dứt hoạt động theo quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai với lý do dự án chậm tiến độ quá 12 tháng theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, chấm dứt hoạt động đầu tư theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 48 Luật đầu tư 2014 và theo quy định tại Điều 6 giấy chứng nhận đầu tư dự án. Theo Điều 2 Quyết định 2439/QĐ-UBND nêu trên và khoản 3 Điều 48 Luật Đầu tư thì Công ty V tự thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản. Theo điểm a, điểm b khoản 5 Điều 41 Nghị định 118/2015 hướng dẫn luật đầu tư thì sau khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động, việc thanh lý dự án đầu tư thực hiện như sau:

“a) Nhà đầu tư tự thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản;

b) Đối với dự án đầu tư được nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;”

Như vậy, sau khi dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động, Công ty V tự thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản. Thanh lý tài sản ở đây được hiểu là thực hiện việc bán tài sản. Sau khi thực hiện xong việc thanh lý tài sản thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty V được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Theo mục b điểm 2 khoản 14 Điều 2 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai thì: *“Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động theo quy định, chủ đầu tư được thực hiện bán tài sản hợp pháp gắn liền với đất cho nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật. Nhà nước thu hồi đất của người bán tài sản gắn liền với đất thuê để cho người mua tài sản thuê;”*

Theo hướng dẫn trên Công ty V được tiếp tục sử dụng đất 24 tháng kể từ ngày dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư. Tức là Công ty V được tiếp tục sử dụng đất từ ngày 03/8/2015 đến ngày 03/8/2017. Trong thời hạn này, Công ty V được thực hiện bán tài sản hợp pháp gắn liền với đất cho nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

Theo khoản 1 Điều 5 Luật công chứng 2014 thì hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép cho Công ty B tại Văn phòng công chứng Y, tỉnh Lào Cai ngày 19/5/2017 và Hợp đồng trên được sửa đổi thành Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất ngày 20/5/2017 đã có hiệu lực. Vì vậy, việc chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất của Công ty V cho Công ty B là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với việc Công ty P cho rằng Công ty V chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho Công ty B đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng Công ty P không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc Công ty P đã đầu tư xây dựng, tạo lập, hoàn thiện các hạng mục công trình như thỏa thuận. Quá trình giải quyết Tòa án cấp phúc thẩm đã ban hành thông báo số 238/TB-TA về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ, trong đó có yêu cầu Công ty P *“cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản của Công ty P phát sinh kể từ khi ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02 với Công ty V”*. Nhưng cho đến nay Công ty P cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh tài sản của Công ty P đã có trong khối tài sản mà Công ty V đã chuyển nhượng cho công ty B. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P là thiếu căn cứ.

b, Đối với các yêu cầu phản tố của Công ty V và Công ty B:

- Về đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2014/HTKD về việc hợp tác đầu tư kinh doanh dự án Nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép tại Cụm công nghiệp Bắc K, thành phố I, tỉnh Lào Cai của Công ty V:

Theo khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng thì sau khi ký kết Công ty P có nghĩa vụ tự bỏ vốn đầu tư và triển khai thực hiện đầu tư xây dựng, hoàn thiện các hạng mục, tiếp tục triển khai hoàn thiện giai đoạn 1 của dự án. Tuy nhiên, Công ty P không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc Công ty P đã triển khai đầu tư xây dựng, hoàn thiện dự án theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký với Công ty V.

Theo điểm 5.1 mục 5 Điều 2 của Hợp đồng thì sau khi hoàn thành các giai đoạn của dự án hai bên lập bảng tổng khối lượng, công việc, hạng mục các bên đã thực hiện trong dự án quy đổi thành giá trị vốn đầu tư vào dự án và cùng nhau tính toán, thống nhất phân khai giá trị góp vốn đầu tư vào dự án làm cơ sở tính toán phân chi lợi nhuận dự án. Giá trị góp vốn của Công ty V được tính bằng cơ sở hạ tầng xây dựng hiện trạng trên khu đất dự án trên cơ sở định giá, thống nhất của các bên. Giá trị góp vốn của Công ty P được tính bằng tổng giá trị đầu tư tiếp vào dự án. Quá trình giải quyết vụ án Công ty P không cung cấp bất cứ chứng cứ gì để chứng minh cho việc Công ty P đã triển khai đầu tư xây dựng, hoàn thiện hạng mục công trình của dự án. Do vậy, không có căn cứ xác định Công ty P có tài sản dẫn đến việc Công ty V chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho Công ty B đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty P.

Dự án Nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép (*theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000077, ngày 04/ 02/2008 và Quyết định số 639/QĐ – UBND ngày 25/3/2008 của UBND tỉnh Lào Cai*) đã bị chấm dứt hoạt động theo Quyết định số 2439/QĐ - UBND ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai. Do vậy, xác định Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty P và Công ty V không còn giá trị cần phải hủy bỏ hợp đồng. Điều 425 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Trường hợp bên có nghĩa vụ không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình làm cho mục đích của bên có quyền không thể đạt được thì bên có quyền có thể hủy bỏ và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Như vậy, Hợp đồng hợp tác nói trên đã bị chấm dứt kể từ ngày 03/8/2015. Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 312 Luật Thương mại 2005; Điều 425 Bộ luật dân sự 2015 thì việc Công ty V yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2014/HTKD tháng 02/2014 về việc hợp tác đầu tư kinh doanh dự án Nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép tại Cụm phía bắc K, thành phố I, tỉnh Lào Cai là có căn cứ. Tuy nhiên, về vấn đề bồi thường thiệt hại do hủy hợp đồng Công ty V không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà đề nghị được tách giải quyết bằng một vụ án khác.

c, Về đề nghị công nhận Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án ngày 19/5/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 20/5/2017 là đúng pháp luật của Công ty V và Công ty B:

Ngày 19/5/2017 Công ty V ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ Dự án nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép cho Công ty B. Hợp đồng này được công chứng tại Văn phòng công chứng Y, tỉnh Lào Cai (*nay là Văn phòng công chứng L*) số công chứng 1521. Ngày 20/5/2017 hai bên ký biên bản sửa đổi, bổ sung thành “*Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất*” số công chứng 1531; với giá 6,5 tỷ đồng, đối tượng của hợp đồng là tài sản gắn liền với đất. Như phân tích ở trên việc chuyển nhượng này bản chất là thanh lý tài sản có trên đất, do dự án Nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép của Công ty V bị chấm dứt theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai, việc chuyển nhượng tài sản được thực hiện sau khi Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh không còn giá trị thực hiện. Như vậy, xác định Công ty V chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho Công ty B là có căn cứ, đã tuân thủ các quy định của pháp luật.

Đối với việc công ty P cho rằng việc chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất giữa Công ty V với Công ty B là trái quy định của điểm b khoản 1 Điều 189 Luật đất đai năm 2013. Nhận định trên của Công ty P là không đúng bởi lẽ Điều 189 luật đất đai năm 2013 quy định về điều kiện bán, mua tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hằng năm trong trường hợp dự án đầu tư còn hoạt động và chưa bị chấm dứt theo quy định điều này được thể hiện rõ tại điểm a, điểm b khoản 2, khi mua tài sản gắn liền với đất thuê phải đảm bảo các điều kiện như “*Có năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư; có ngành nghề kinh doanh phù hợp với dự án đầu tư*”. Dự án đầu tư nhà máy sản xuất và chế tạo kết cấu thép của Công ty V bị chấm dứt theo quyết định số 2439/QĐ - UBND ngày 03 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Lào Cai. Do vậy, việc chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất giữa Công ty V với Công ty B không bị điều chỉnh bởi Điều 189 Luật đất đai năm 2013.

d, Về yêu cầu buộc Công ty P trả lại toàn bộ tài sản gắn liền trên đất cho Công ty V:

Tại thời điểm ký kết hợp đồng hợp tác nói trên Công ty V đã xây dựng được các hạng mục: Nhà điều hành và nhà trưng bày sản phẩm 02 tầng kết cấu khung bê tông cốt thép đã hoàn thiện diện tích xây dựng khoảng 1.600 m², tường xây bao quanh mái xà gồ, nhà xưởng kết cấu khung thép mái lợp tôn diện tích xây dựng khoảng 2.500 m², sân đường giao thông nội bộ...

Do trong quá trình giải quyết vụ án Công ty P không chứng minh được cũng như không cung cấp được các văn bản, tài liệu chứng minh cho việc Công ty P đã đầu tư xây dựng, tạo lập, hoàn thiện các hạng mục công trình. Nên không có căn cứ để xác định toàn bộ tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung của Công ty V và Công ty P.

Về thực tế sau khi thực hiện việc thanh lý các tài sản trên, ngày 25 tháng 5 năm 2018 Công ty V đã tiến hành bàn giao các tài sản gắn liền với đất tại lô đất 45, thửa số 00, tờ bản đồ số 00 tại đường A1 Cụm công nghiệp Bắc K, thành phố I, tỉnh Lào Cai cho công ty B. Sau khi nhận bàn giao và tiếp quản sử dụng Công ty B tiến hành xây dựng công ra vào bằng cột sắt, cánh cửa tôn để tiện cho việc quản lý. Công ty B đã tiếp nhận và quản lý sử dụng 01 phòng trong tổng số 16 phòng thuộc dãy xây cấp 03 (02 tầng), quản lý sử dụng tầng một nhà điều hành và trưng bày sản phẩm. Công ty P cho rằng hiện Công ty P đang quản lý toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Như vậy, có căn cứ xác định Công ty P không chứng minh được tài sản của mình đầu tư xây dựng nhưng trên thực tế công ty P đang quản lý 15 phòng trong tổng số 16 phòng thuộc dãy nhà xây cấp 03 là tài sản của Công ty V, Công ty P đang chiếm giữ bất hợp pháp. Căn cứ Điều 427 Bộ luật dân sự 2015 quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng cần buộc Công ty P phải bàn giao lại toàn bộ tài sản mà Công ty P đang giữ cho Công ty V.

Ngoài ra đối với toàn bộ các tài sản gắn liền với đất này đã xây dựng vi phạm chỉ giới theo kết luận thanh tra số 09/KL-TT ngày 20/6/2017 của Thanh tra tỉnh Lào Cai kết luận xây dựng vi phạm chỉ giới buộc phải tháo dỡ thì khi nào có yêu cầu Công ty V và Công ty B cam kết sẽ thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên thấy, yêu cầu khởi kiện của Công ty P không có căn cứ chấp nhận. Các yêu cầu phản tố của Công ty V và Công ty B có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Công ty P khởi kiện không được Tòa án chấp nhận phải chịu tiền án phí đối với vụ án Kinh doanh thương mại (KDTM) và tiền án phí do phải thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản trong vụ án KDTM. Các bị đơn Công ty V và Công ty B không phải chịu tiền án phí đối với vụ án KDTM sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 72, Điều

200, khoản 2 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 425, 427 - Bộ luật dân sự 2015; Điều 29, Điều 48 Luật đầu tư 2014; điểm b khoản 4 Điều 312 Luật thương mại năm 2005; điểm i khoản 1 Điều 64, Điều 175 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 19/5/2017 và hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất ngày 20/5/2017 giữa Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Nông nghiệp B bị vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V về việc hủy bỏ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2014 ngày 01/02/2014 giữa Công ty Cổ phần P và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Nông nghiệp B về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 19/5/2017, số công chứng 1521 và hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất ngày 20/5/2017, số công chứng 1531 là hợp pháp.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Nông nghiệp B về việc yêu cầu Công ty P phải bàn giao toàn bộ tài sản trên đất, cụ thể:

- Buộc Công ty P bàn giao lại quyền quản lý, sử dụng lô đất 45, thửa số 00, tờ bản đồ số 00 tại Đường A1, Cụm công nghiệp Bắc K, thành phố I, tỉnh Lào Cai;

Buộc Công ty P bàn giao lại toàn bộ các tài sản gắn liền với đất mà Công ty P đang chiếm giữ, bao gồm:

- + 15 phòng thuộc dãy nhà xây cấp 3 (02 tầng);
- + Nhà xưởng kết cấu khung thép mái lợp tôn diện tích xây dựng khoảng 2.500 mét vuông.

Tại lô 45 cụm công nghiệp Bắc K, thành phố I, tỉnh Lào Cai cho Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm Nông nghiệp B.

5. Về án phí:

Công ty Cổ phần P phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại và 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền án phí do phải thực hiện

nghĩa vụ trả lại tài sản. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004355 ngày 21/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố I, tỉnh Lào Cai. Công ty Cổ phần P còn phải nộp tiếp 5.700.000 đ (*năm triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm. Được hoàn lại số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Vận tải V đã nộp theo biên lai số 0004466 ngày 31/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố I, tỉnh Lào Cai.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Nông nghiệp B không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm. Được hoàn lại số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm Nông nghiệp B đã nộp theo biên lai số 0004455 ngày 27/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố I, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TACC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh (2);
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS thành phố I;
- TAND thành phố I;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lương

